| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN U MINH THƯỢNG**<br>**TỈNH KIÊN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15/6/2021
*"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG-TỈNH KIÊN GIANG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa*: Ông **Lư Quốc Thịnh**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1- Ông **Lâm Tấn Đạt**.

2- Bà **Phạm Thị Lan**.

**- *Thư ký phiên tòa***: Bà **Thị Thúy Kiều**. Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang***: Bà **Nguyễn Thị Kiều Hoa**-Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 17/2021/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 02 năm 2021 về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2021 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 33/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Cẩm G**, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Ấp M A, xã M, huyện U, tỉnh KG. (có mặt)

2. *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp M T, xã M, huyện U, tỉnh KG. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 27 tháng 01 năm 2021 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm G trình bày và yêu cầu như sau*:

*Về hôn nhân*: Chị và anh Nguyễn Văn B quen biết nhau và tự nguyện đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương. Do thiếu hiểu biết về pháp luật nên đến nay chị và anh B vẫn chưa đăng ký kết hôn.

Vợ chồng chị chung sống đến khoảng tháng 5 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến cãi vã, anh B ham chơi, không quan tâm đến cuộc sống vợ con, cũng không lo làm ăn. Chị và anh B sống ly thân từ tháng 6 năm 2019 đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống riêng tư của nhau. Một mình chị chăm sóc, nuôi dưỡng con. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

*Về con chung*: Vợ chồng chị có 01 người con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 09/6/2019, giới tính nam, con đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung*: Vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung*: Vợ chồng chị không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn B vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.*

Tại phiên tòa xét xử, chị Gvẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh B và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Về phần tài sản chung thì chị Gtrình bày là để tự thỏa thuận với anh B. Chị Gxác định chị và anh B không có nợ chung.

Anh B vắng mặt tại phiên tòa.

*Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát*:

Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà, HĐXX và thư ký đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Về phần nội dung: Đề nghị HĐXX xem xét không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Cẩm G và anh Nguyễn Văn B, giao con cho chị Nguyễn Thị Cẩm G tiếp tục nuôi dưỡng, gh nhận ý kiến của chị G không yêu cầu anh Bcấp dưỡng nuôi con.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, bị đơn có nơi cư trú trên địa giới hành chính huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ

khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn B được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Ba.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị G và anh B quen biết nhau và tự nguyện đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương. Chị G và anh B chung sống đến nay nhưng chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, chị G vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh B.

Tòa án đã thông báo cho anh B biết về việc chị G yêu cầu ly hôn với anh và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung nhưng anh B vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của chị Giang.

Qua xác minh tình trạng hôn nhân của chị G và anh B, đại diện Ban lãnh đạo ấp M T cho biết chính quyền địa phương không rõ nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh B nhưng Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân của chị Gvà anh B là không hợp pháp do không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không thể chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G mà cần căn cứ vào Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị G và anh B.

*Về con chung*: Chị G và anh B có 01 người con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 09/6/2019, giới tính nam, con đang sống với chị G. Khi ly hôn chị G yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh Bcấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận thấy cháu Khôi đang sống với chị G, được chăm sóc và phát triển bình thường như những đứa trẻ cùng trang lứa. Anh B cũng không có ý kiến về quan hệ con chung. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 81 và khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu K cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị G không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh B có quyền có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền ngăn cản nhưng không được lợi dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến người trực tiếp nuôi con.

*Về tài sản chung*: Chị G tự thỏa thuận với anh B, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*Về nợ chung*: Chị G xác định chị với anh B không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Cẩm G phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị Gđã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo lai thu số 0000622 ngày 29/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

*Vì các lẽ trên*,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Các Điều khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Cẩm G và anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 09/6/2019, giới tính nam cho chị Nguyễn Thị Cẩm G trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị G không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh B có quyền có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền ngăn cản nhưng không được lợi dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị G xác định là để tự thỏa thuận với anh B và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị G xác định là chị và anh B không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Cẩm G phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị Gđã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo lai thu số 0000622 ngày 29/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

6. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 15/6/2021), đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện U Minh Thượng;*
- *CCTHADS huyện U Minh Thượng;*
- *UBND xã Minh Thuận.*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, văn phòng.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lư Quốc Thịnh**